

Phụ lục 01

CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG "2 CON SỐ"
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số...../KH-UBND ngày...../...../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ/ đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện
I	Nhiệm vụ 1: Tiếp tục phát triển kinh tế xanh bền vững và hài hoà, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với đổi mới, tạo lập mô hình tăng trưởng mới, chất lượng cao; thực hiện tái cơ cấu kinh tế đồng bộ, toàn diện gắn với phát triển các ngành, lĩnh vực, khơi thông các nguồn lực, tạo không gian tăng trưởng mới; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của các vùng, khu vực			
1	Đề án phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp hiện đại, thông minh, lấy công nghiệp công nghệ cao làm động lực trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026
2	Đề án phát triển khu kinh tế, các khu công nghiệp hướng tới công nghiệp xanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050	Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026
3	Đề án về chiến lược phát triển công nghiệp, văn hoá, du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026
4	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý II/2026
5	Chương trình phát triển nông nghiệp sinh thái - kinh tế tuần hoàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý III/2026
6	Đề án xây dựng và phát triển tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên nhiên kỷ trước năm 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 5 năm 2026
7	Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 8 năm 2026
8	Nghiên cứu xây dựng trung tâm logistics vận tải đa phương thức phục vụ Khu kinh tế Ninh Cơ và vùng lân cận	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Năm 2026-2028
II	Nhiệm vụ 2: Tạo đột phá phát triển kinh tế biển			
1	Đề án chiến lược phát triển kinh tế biển tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026
III	Nhiệm vụ 3: Phát triển kinh tế tư nhân			
1	Đề án về chiến lược phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026
IV	Nhiệm vụ 4: Tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đẩy mạnh phát triển đô thị			
1	Đề án xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm đưa Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ/ đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện
2	Rà soát, lập Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Năm 2026
3	Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 3 năm 2026
V	Nhiệm vụ 5: Phát triển văn hoá - xã hội			
1	Hoàn thiện các thủ tục đề nghị UNESCO công nhận Khu du lịch Tam Chúc và Khu bảo tồn thiên nhiên Vân Long là di sản thiên nhiên thế giới	Sở Du lịch	Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngoại giao; Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia; Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam (Bộ Ngoại giao); Văn phòng UNESCO tại Hà Nội; Nhóm chuyên gia tư vấn và chuyên gia độc lập trong nước và quốc tế tham gia xây dựng Hồ sơ đề cử; Trung tâm Di sản Thế giới, các chuyên gia của ICOMOS, IUCN; Các sở, ngành; UBND các phường/xã: phường liên quan	Năm 2026-2028
2	Đề án về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026
3	Đề án về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026
4	Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
5	Đề án về chiến lược phát triển y tế tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026
VI	Nhiệm vụ 6: phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số			
1	Đề án Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
2	Đề án phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
VII	Nhiệm vụ 7: Khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên			
1	Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên đất đai và khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01 năm 2026
2	Đề án kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 12 năm 2026

Phụ lục 2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG “2 CON SỐ”

STT	Công trình/Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
I	Dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước					
1	Xây dựng Cảng hàng không quốc tế Ninh Bình	Xây dựng Cảng hàng không quốc tế Ninh Bình	Ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) hỗ trợ để thực hiện và phân vốn khu vực tư nhân	23.216	2027-2029	UBND tỉnh Ninh Bình đã trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng về Đề án nghiên cứu khả năng hình thành Cảng hàng không quốc tế Ninh Bình tại Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 08/12/2025
2	Xây dựng tuyến đường trục động lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình (Hoa Lư - Nam Định)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh	13.850	2025-2029	
3	Dự án Xây dựng tuyến đường cao tốc Hà Nam - Nam Định (CT.11), giai đoạn 1 từ thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đến thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	7.850	2025-2028	
4	Dự án Xây dựng, nâng cấp mở rộng đường ĐT.477 (đoạn từ Km1+500 đến tuyến tránh Quốc lộ 12B xã Đồng Phong, huyện Nho Quan); xây dựng cầu Hoàng Long và đường dẫn trên tuyến ĐT.477C	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	6.975	2025- 2029	
5	Xây dựng tuyến đường trục dọc phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (tuyến TD07 kéo dài)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	6.650	2026-2030	
6	Dự án đầu tư xây dựng 03 tuyến đường kết nối khu kinh tế Ninh Cơ	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	4.912	2026-2030	
7	Xây dựng tuyến đường gom hai bên đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, tỉnh Ninh Bình	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	4.600	2026-2030	
8	Dự án xây dựng tuyến đường nối Hoa Lư với Trục dọc 07 (TD07)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	4.398	2025-2029	
9	Xây dựng tuyến đường Thanh Liêm - Cao Bồ (Trục T4)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh	3.993	2025-2028	
10	Đầu tư xây dựng cầu vượt sông Hồng và đường dẫn kết nối từ tỉnh Hà Nam (cũ) sang tỉnh Hưng Yên	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	3.950	2026-2030	
11	Xây dựng tuyến đường bộ mới Trục Tuần - Yên Định	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	3.900	2026-2030	
12	Xây dựng tuyến đường gom hai bên đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT08) đoạn qua tỉnh Nam Định (cũ)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	3.650	2026-2030	
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường N8 và cầu vượt qua sông Châu Giang đoạn nối từ QL37B đến đường nối 02 đến Trần	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	3.500	2026-2030	
14	Mở rộng tỉnh lộ 490 đoạn từ Cao Bồ đến cầu Thịnh Long (dự án đường trục phát triển kết nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định đến cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	3.500	2026-2030	
15	Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng với biến đổi khí hậu (vay vốn ADB)	Xây dựng hệ thống thủy lợi	Vốn vay ADB, ngân sách tỉnh	3.027	2024-2030	
16	Xây dựng cầu vượt sông Đáy và tuyến đường kết nối QL.1A với đường Trục dọc 07	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	2.985	2026-2030	
17	Dự án xây dựng cầu Quang Thiện và Quốc lộ 21B, đoạn từ xã Nghĩa Lâm đến QL1A	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	2.975	2026 - 2029	
18	Đầu tư, củng cố, cải tạo, nâng cấp hệ thống đê biển Hải Hậu, Giao Thủy	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	2.300	2026 -2029	
19	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường vành đai 5 đến Khu Công nghệ cao Hà Nam	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	2.201	2025-2028	
20	Dự án xây dựng tuyến đường ĐT.483 (đoạn từ đường cao tốc Bắc - Nam đến QL10 kết nối các xã phía Đông Nam tỉnh Ninh Bình)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	2.000	2026 - 2029	
21	Đầu tư xây dựng tuyến đường N1 và cầu vượt qua sông Châu Giang đoạn từ đường CT.16 đến đường TD.07	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	2.000	2026-2030	
22	Dự án Xây dựng tuyến đường kết nối đường Đông - Tây tỉnh Ninh Bình với đường Hồ Chí Minh	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.900	2026 - 2029	
23	Xây dựng tuyến đường bộ mới Lạc Quan - Giao Thủy	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.900	2026-2030	
24	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông với các huyện phía Đông Nam tỉnh Ninh Bình	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.900	2026-2028	
25	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối QL.10 với đường tỉnh ĐT.490 và cầu Thịnh Long	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.600	2026-2030	
26	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 45, đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Bình (Km0+00 - Km23+00)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.600	2026-2030	

27	Dự án xây dựng hoàn thiện tuyến Bãi Đính - Kim Sơn (ĐT.476)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.500	2026-2030	
28	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường Lê Thánh Tông đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường tỉnh ĐT.476 (đường kênh đô thiên)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.500	2026-2030	
29	Xây dựng tuyến đường từ TL.490 đến Cồn Xanh (từ trạm đèn biển Lạch Giang đến tổ hợp nhà máy thép Xanh Xuân Thiện)	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.500	2026-2030	
30	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường bộ ven biển đoạn từ cầu vượt sông Hồng đến nút giao QL.37B	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.500	2026-2030	
31	Dự án xây dựng trạm bơm Tắc Giang	Xây dựng hệ thống thủy lợi	Ngân sách tỉnh	1.500	2026-2030	
32	Xây dựng tuyến đường bộ mới đoạn từ cuối đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Nam Định đến đường vành đai II và khu dân cư xung quanh	Xây dựng hệ thống giao thông	Ngân sách tỉnh	1.000	2026-2030	
II	Dự án sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước					
1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Trung Thành	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	1.657	2026-2030	
2	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hồng Tiến	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	1.424	2026-2030	
3	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hải Long (GD1)	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	2.249	2026-2030	
4	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Xuân Kiên (GD1)	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	1.245	2026-2030	
5	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Minh Châu (GD1)	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	1.260	2026-2030	
6	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phú Long	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	4.960	2026-2030	
7	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Tam Điệp II	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	3.071	2026-2030	
8	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Đồng Văn V (giai đoạn I)	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	2.911	2026-2030	
9	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Đồng Văn VI	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	2.976	2026-2030	
10	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Thanh Bình II (giai đoạn I)	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	2.610	2026-2030	
11	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Châu Giang II	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	2.872	2026-2030	
12	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Kim Bảng IV (giai đoạn I)	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Vốn ngoài ngân sách	2.465	2026-2030	
13	Dự án nhà máy thép Xanh Xuân Thiện Nghĩa Hưng	Xây dựng nhà máy sản xuất thép	Vốn ngoài ngân sách	10.000	2025-2028	
14	Dự án Nhà máy thép xanh số 1 Xuân Thiện Nam Định	Xây dựng nhà máy sản xuất thép	Vốn ngoài ngân sách	88.000	2025-2035	
15	Khu đô thị nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp Ba Sao, huyện Kim Bảng (KB-ĐT11.22)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	6.226	2022-2025	
16	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp xây dựng nhà ở và trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng xã Liêm Tuyền và xã Đĩnh Xá thành phố Phủ Lý	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	5.114	2022-2027	
17	Khu đô thị thời đại và đổi mới sáng tạo (PL-ĐT12.22)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	9.625	2022-2028	
18	Khu Đô thị sinh thái Bắc Châu Giang (PL-ĐT13.22)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	8.816	2023-2028	
19	ĐTXD Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thành phố Phủ Lý	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	5.251	2022-2028	
20	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Hải, thành phố Phủ Lý	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	12.286	2024-2032	
21	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đông Phú Thử, thành phố Phủ Lý	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	11.556	2024-2032	
22	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đọi Sơn, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT38.24)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	14.127	2025-2032	
23	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đông Nam Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT39.24)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	7.740	2025-2032	
24	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Châu Sơn, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT40.24)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	6.308	2025-2032	
25	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Hiệp thuộc địa bàn phường Tiên Nội, xã Tiên Ngoại, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên và phường Tân Hiệp, thành phố Phủ Lý (DT-ĐT 28.22)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	6.420	2025-2032	
26	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Sơn thuộc địa bàn xã Tiên Ngoại, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT29.22)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	11.077	2025-2032	
27	Dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Ngoại thuộc địa bàn phường Tiên Nội, xã Tiên Ngoại, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT30.22)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	5.199	2025-2032	

28	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Tượng Lĩnh tại phường Tượng Lĩnh, phường Tân Sơn và xã Nguyễn Uy, thị xã Kim Bảng (KB-ĐT26.22)	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	13.693	2024-2030	
29	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị sinh thái Phù Vân	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	16.498	2025-2032	
30	Dự án ĐTXD Khu đô thị Tây Lam Hạ	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	8.936	2025-2032	
31	Dự án Khu đô thị sinh thái phía Đông thành phố Hoa Lư	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	16.443	2025-2032	
32	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở thương mại và khu thương mại dịch vụ Lam Hạ	Xây dựng khu đô thị	Vốn ngoài ngân sách	19.618	2025-2032	
33	Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, phụ kiện ngành công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, thiết bị xử lý môi trường công nghệ cao Bei Ke Yuan	Sản xuất phụ tùng ô tô, phụ kiện ngành công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, thiết bị xử lý môi trường công nghệ cao, Cho thuê nhà xưởng	Vốn FDI	1.391	2027	
34	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đồ dùng cao cấp	Sx sản phẩm gia dụng cao cấp, thiết bị văn phòng...	Vốn FDI	572	2027	
35	Đầu tư xây dựng Nhà máy Golden Prosper	sản xuất vali, ba lô, túi xách và các loại tương tự; sản xuất dây đai, dây dệt; sản xuất các sản phẩm từ plastic (sản xuất phụ kiện nhựa cho vali, balo, túi xách; sản xuất linh kiện nhựa cho ngành công nghiệp ô tô, điện tử (cánh quạt động cơ, vỏ gương, vỏ đèn); sản xuất khác chưa được phân vào đâu (sản xuất lắp ráp phụ kiện cho vali, balo, túi xách và các loại tương tự (như đầu khóa, dây đeo, đai nhựa,...); sản xuất, gia công nút xốp, phụ liệu cho ngành giày, dép, vali, túi xách (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng polyol trộn sẵn HCFC - 141b)	Vốn FDI	302	2028	
36	Xây dựng nhà máy may Nice Power	Sản xuất đế giày, mũ giày và phụ kiện giày dép, TPE cho đế giày	Vốn FDI	680	2026	
37	Nhà máy sản xuất chế tạo công nghệ C.Q.S	Sản xuất các phụ tùng bằng kim loại dùng cho xe ô tô và xe gắn máy, các loại công cụ và thiết bị điện, sản xuất các khuôn đúc bằng kim loại	Vốn FDI	458	2028	